

Họ và tên HS:

Lớp : 1A...

I. Học sinh tập chép: (7 điểm)

- ôm, iên, ăng, uc, uôt
- chặm chỉ, nậng đờ, âm nhạc, kết bạn
- cô khen nét chữ bé rất đẹp.

[illegible]

II. Bài tập : (3 điểm)

1. Điền **en** hay **et** ?

khăn l..... đất s.....

2. Điền **ng** hay **ngh** ?

conôngi ngờ

3. Tìm 2 tiếng chứa vần **ang**

.....

Họ và tên HS:
Lớp : 1A...

I. Đọc thành tiếng (7 điểm)

GV cho HS bốc thăm và đọc theo phiếu. Mỗi em đọc khoảng 2 đến 3 phút.

II. Đọc thầm bài văn và làm bài tập. (3 điểm) – (Thời gian làm bài: 15 phút)

Bài 1: Nối từ với hình vẽ cho phù hợp: (1 điểm)



quả mướp

sa mạc

quà tặng

lợp nhà

Bài 2: Đọc thầm và trả lời câu hỏi: (2 điểm)

Giàn nhót nhà Hà

Giàn nhót nhà Hà sắp chín rộ. Quả nhót chín đỏ chon chót, thon thon. Vị nhót chua chua, ngọt ngọt. Bề mặt quả nhót có những đốm nhỏ. Hà mê ăn nhót lắm. Hà sẽ đưa đến lớp chia cho cô và bạn bè.

Khoanh tròn tr- ốc chữ cái chứa câu trả lời đúng:

1. Quả nhót khi chín có màu gì?

A. Vàng nhạt

B. Đỏ chon chót

C. Hồng hồng

2. Vị quả nhót như thế nào?

A. Ngọt lịm

B. Chua chua, ngọt ngọt

C. Đắng ngắt

3. Bài tập đọc có bao nhiêu câu?

A. 4 câu

B. 5 câu

C. 6 câu

4. Điền tiếp vào câu sau: “ Hà sẽ đưa đến lớp chia cho.....”

A. Bạn bè

B. Cô giáo

C. Cô và bạn bè

HƯỚNG DẪN CHẤM KTĐK CUỐI HKI

Năm học: 2020-2021

MÔN TIẾNG VIỆT - LỚP 1

A. Phần kiểm tra đọc (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng (7 điểm): mỗi em đọc theo phiếu trong thời gian 1 phút.

- Thao tác đọc đúng: tư thế, cách đặt sách vở, cách đưa mắt đọc
- Phát âm rõ các âm vần khó, cần phân biệt: 1 điểm
- Đọc trơn, đúng tiếng, từ, cụm từ, câu (không đọc sai quá 10 tiếng): 1 điểm
- Âm lượng đọc vừa đủ nghe: 1 điểm
- Tốc độ đọc đạt yêu cầu (tối thiểu 30 tiếng/1 phút): 1 điểm
- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ: 1 điểm
- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm

II. Đọc thầm và làm bài tập:

- Câu 1(1 điểm) Mỗi tranh nói đúng được 0,25 điểm:
- Câu 2: (2 điểm) Mỗi trả lời đúng được 0,5 điểm.

B. Phần kiểm tra viết: (10 điểm)

I. Viết chính tả: 7 điểm

- Tốc độ đạt yêu cầu: 2 điểm
- Viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ: 2 điểm
- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi): 2 điểm
- Trình bày đúng quy định; viết sạch, đẹp: 1 điểm

II. Bài tập: 3 điểm

- 1.(1 điểm) Mỗi chỗ trống điền đúng được 0,5 điểm
- 2.(1 điểm) Mỗi chỗ trống điền đúng được 0,5 điểm
3. (1 điểm) Mỗi tiếng chứa vần đúng được 0,5 điểm